

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 65-TC/TCT ngày 24-9-1997 hướng dẫn việc xác định giá tính thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu của các đối tượng được miễn thuế nay thay đổi lý do miễn thuế.

Căn cứ Điều 7, Điều 15 Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 97-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và các Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thông báo tại Công văn số 2972-KTTH ngày 13-6-1997 của Văn phòng Chính phủ;

Sau khi có ý kiến của Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá tính thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt truy thu đối với hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế đã đưa vào sử dụng, nay do thay đổi lý do miễn thuế (thanh lý, chuyển nhượng, biếu tặng, sử dụng không đúng mục đích,... sau đây gọi tắt là chuyển nhượng), cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Hàng viện trợ không hoàn lại đã sử dụng vào mục đích của chương trình dự án, hết thời hạn thực hiện của chương trình dự án được phép chuyển nhượng cho các đối tượng không thuộc diện được miễn thuế.

2. Hàng hóa của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được miễn thuế theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nay chuyển nhượng cho các đối tượng không thuộc diện được miễn thuế.

3. Hàng hóa của các đối tượng được hưởng chế độ miễn trừ tại Việt Nam chuyển nhượng cho các đối tượng không thuộc diện được miễn thuế.

4. Hàng nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng, nghiên cứu khoa học và giáo dục, đào tạo mà đã được miễn thuế

nhập khẩu nhưng không sử dụng phục vụ mục đích cho an ninh, quốc phòng, nghiên cứu khoa học và giáo dục, đào tạo nay chuyển nhượng cho các đối tượng không thuộc diện được miễn thuế.

5. Hàng là quà biếu, quà tặng cho các tổ chức Việt Nam được miễn thuế nhập khẩu nhưng không sử dụng đúng mục đích biếu, tặng đó mà chuyển nhượng cho đối tượng không thuộc diện được miễn thuế.

6. Các trường hợp khác được miễn, giảm thuế nhập khẩu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, chuyển nhượng cho đối tượng không thuộc diện miễn thuế, bị truy thu thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

II. CÁCH XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ NHẬP KHẨU, THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (NẾU CÓ) TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP BỊ TRUY THU NÊU TRÊN

Hàng hóa nhập khẩu của các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm thuế quy định tại mục I nói trên, đã đưa vào sử dụng, nay được phép thay đổi lý do miễn, giảm thuế (thanh lý, chuyển nhượng, biếu tặng,...) thì phải truy thu thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá tính thuế làm căn cứ để tính thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) phải truy thu được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý hoặc biếu tặng,...

Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý hoặc biếu tặng,... được xác định căn cứ vào kết quả giám định chất lượng hàng hóa của cơ quan giám định nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cần cử thời gian đưa vào sử dụng và tỷ lệ khấu hao, tình trạng thực tế của hàng hóa, cơ quan thu thuế có quyền từ chối kết quả giám định nếu xét thấy chưa phù hợp để tiến hành trưng cầu giám định lại. Cơ quan thu thuế trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định nếu kết quả giám định lại đúng với kết quả giám định do đơn vị, doanh nghiệp trưng cầu giám định; đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm chi trả chi phí giám định nếu kết quả giám định lại không đúng với kết quả giám định do đơn vị, doanh nghiệp trưng cầu giám định.

Trên cơ sở kết quả giám định chất lượng hàng hóa của cơ quan giám định nhà nước có thẩm quyền, cơ quan Hải quan xác định giá tính thuế nhập khẩu theo nguyên tắc sau đây:

- Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa đạt từ 30% (ba mươi phần trăm) trở xuống thì giá tính thuế bằng 10% (mười phần trăm) của giá nhập khẩu hàng hóa.

- Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa đạt từ trên 30% đến 50% thì giá tính thuế bằng 20% (hai mươi phần trăm) của giá nhập khẩu hàng hóa.

- Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa đạt từ trên 50% đến 70% thì giá tính thuế bằng 30% (ba mươi phần trăm) của giá nhập khẩu hàng hóa.

- Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa đạt từ trên 70% đến 85% thì giá tính thuế bằng 45% (bốn mươi lăm phần trăm) của giá nhập khẩu hàng hóa.

- Giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa đạt từ 85% trở lên thì giá tính thuế bằng 60% (sáu mươi phần trăm) của giá nhập khẩu hàng hóa.

Giá nhập khẩu hàng hóa nêu trên là xác định theo giá nhập khẩu (CIF) tại thời điểm chuyển nhượng. Trường hợp hàng hóa bị truy thu thuế không có giá nhập khẩu thì sẽ xác định theo giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu trong Bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu hiện hành; nếu không có trong Bảng giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu thì cơ quan Hải quan xây dựng giá theo nguyên tắc quy định tại Điều 7 Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ. Sau đó xác định giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng hóa phải truy thu thuế theo nguyên tắc nêu trên.

Đối với giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của mặt hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải truy thu được xác định theo công thức quy định tại tiết b, điểm 2, mục II Thông tư số 98-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Giá tính thuế	Giá tính thuế	Thuế nhập
tiêu thụ đặc	nhập khẩu	khẩu
biệt	=	+

Trong đó giá tính thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu được xác định như quy định nêu trên.

III. XỬ LÝ VI PHẠM

Các đối tượng quy định tại mục I nêu trên, nếu việc chuyển nhượng có hành vi gian lận, không khai báo để trốn lậu thuế thì ngoài việc truy thu

đủ thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt nêu trên, sẽ bị xử phạt theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo Tổng cục Hải quan và Bộ Tài chính để nghiên cứu xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

VŨ MÔNG GIAO

THÔNG TƯ số 68-TC/TCDN ngày 25-9-1997 hướng dẫn việc quản lý sử dụng một số khoản hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

Thi hành Nghị định số 59-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích; Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng các quy định trong Thông tư này là các doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điều 2 Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và các quy định tại Điều 1 Nghị định số 59-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý tài chính và hạch